

Phát triển các cụm ngành công nghiệp trong liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long

PHẠM NGỌC MINH
LÊ THỊ THANH BÌNH

Dựa trên cơ sở lý thuyết về cụm ngành công nghiệp và kết quả khảo sát hiện trạng về liên kết vùng và phát triển các cụm ngành chủ lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long, bài viết nhận định về thực trạng phát triển các cụm ngành công nghiệp trong liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long, tập trung xem xét 3 sản phẩm là lúa gạo, cây ăn quả và thủy sản. Qua đó bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả các cụm ngành chủ lực vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: cụm ngành công nghiệp, liên kết vùng, đồng bằng sông Cửu Long.

1. Cơ sở lý thuyết

1.1. Khái quát về cụm ngành công nghiệp

Lý thuyết cụm công nghiệp hay cụm ngành công nghiệp (industrial cluster) đã được ứng dụng khá rộng rãi ở các nước công nghiệp phát triển, các nước công nghiệp mới nổi cũng như các nước đang phát triển. Tuy nhiên, cụm ngành công nghiệp còn khá mới mẻ ở Việt Nam, trong nhiều trường hợp, cụm ngành công nghiệp vẫn thường bị hiểu lầm và đánh đồng với các khu, cụm công nghiệp mang ý nghĩa tập trung về mặt địa lý của một số doanh nghiệp trong một vùng hay khu công nghiệp chứ không có sự liên kết giữa các doanh nghiệp. Khái niệm Industrial cluster ở Việt Nam thường được hiểu với nhiều tên gọi khác nhau như cụm công nghiệp, cụm ngành công nghiệp hay cụm liên kết ngành (Nguyễn Đình Tài, 2017).

Theo Michael Porter, cụm ngành công nghiệp là sự tập trung về mặt địa lý của các công ty và các tổ chức có liên quan với nhau trong một lĩnh vực cụ thể, gồm một loạt các ngành công nghiệp liên kết với nhau và các chủ thể khác có vai trò quan trọng đối với cạnh tranh, gồm chính phủ và các tổ chức khác (như các trường đại học, cơ quan nghiên cứu, tổ chức tài chính...) cung cấp dịch vụ đào tạo, thông tin và hỗ trợ kỹ thuật (Nguyễn Ngọc Sơn, 2015).

Cụm ngành công nghiệp theo Michael

Porter (1990) được xác định bởi ba điều kiện cơ bản: (i) sự có mặt của các công ty liên quan trong một lĩnh vực cụ thể và các thể chế hỗ trợ; (ii) sự quy tụ trong một khu vực địa lý và (iii) sự kết nối giữa các doanh nghiệp trong đó (vừa cạnh tranh, vừa hợp tác).

Phạm vi địa lý của một cụm ngành công nghiệp có thể là một tỉnh, thành phố, một vùng, một quốc gia, hay thậm chí là một nhóm các quốc gia liên bang.

Theo Kuchiki (2007), Cụm ngành công nghiệp là sự tập trung về mặt địa lý trong một quốc gia hoặc một vùng của các công ty có liên kết với nhau, các nhà cung cấp chuyên biệt, các nhà cung cấp dịch vụ và các tổ chức liên quan thuộc một lĩnh vực cụ thể.

Cấu trúc của cụm ngành công nghiệp rất đa dạng, tùy thuộc vào chiều sâu và mức độ phức tạp của nó nhưng đa số bao gồm: các công ty tạo ra sản phẩm hay dịch vụ cuối; các nhà cung ứng đầu vào chuyên biệt, linh kiện, máy móc và dịch vụ; các tổ chức tài chính và

Phạm Ngọc Minh, ThS., Văn phòng Chương trình khoa học và công nghệ Tây Nam Bộ; Lê Thị Thanh Bình, ThS., Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng.

* Bài viết thuộc khuôn khổ đề tài cấp nhà nước: "Cơ chế, chính sách liên kết kinh tế nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững" thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, mã số: KHCN-TNB/14-19.

doanh nghiệp trong các ngành liên quan. Cụm ngành cũng bao gồm các doanh nghiệp thuộc ngành hạ nguồn (là các kênh phân phối hay người tiêu dùng); nhà sản xuất sản phẩm bổ trợ, nhà cung cấp hạ tầng chuyên dụng, chính quyền và các tổ chức cung cấp hoạt động đào tạo chuyên môn, giáo dục, thông tin, nghiên cứu và hỗ trợ kỹ thuật (các trường đại học, các cơ sở nghiên cứu (R&D)..); các hiệp hội để hỗ trợ cho các thành viên trong cụm ngành.

Việc phát triển các cụm ngành công nghiệp là nhân tố và điều kiện để liên kết các doanh nghiệp cùng ngành của vùng để hỗ trợ cùng phát triển theo chuỗi giá trị, thúc đẩy liên kết vùng.

1.2. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Vùng đồng bằng sông Cửu Long hay còn gọi là vùng Tây Nam Bộ, bao gồm 13 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp và An Giang. Diện tích tự nhiên gần 40.000km², trong đó khoảng 65% diện tích đất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; dân số trên 18 triệu người; là vùng tập trung về sản xuất và xuất khẩu lương thực, thủy hải sản, cây ăn trái lớn nhất của Việt Nam, với hơn 50% sản lượng lúa gạo cả nước, cung cấp hơn 90% lượng gạo xuất khẩu, 70% sản lượng trái cây, 52% sản lượng thủy sản và gần 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản cả nước. Đồng thời cũng là vùng chịu nhiều nguy cơ và thách thức do biến đổi khí hậu dẫn đến khả năng hạn hán và xâm nhập mặn, xói lở bờ biển và mất đất khi mực nước biển dâng... Do đó, nghiên cứu để đề ra các giải pháp phát huy thế mạnh, hạn chế những mặt bất lợi để phát triển bền vững vùng, trong đó liên kết vùng là rất cần thiết, một trong những giải pháp hàng đầu được đặt ra.

2. Liên kết vùng và phát triển các cụm ngành công nghiệp chủ lực vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong những năm gần đây, Chính phủ đã đề ra các chủ trương, chính sách liên kết vùng đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, như: Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 6-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 2220/QĐ-TTg ngày 17-11-2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17-11-2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Các bộ, ngành trung ương, như: Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Khoa học và công nghệ... đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 593/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long và thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17-11-2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu. Trước đây, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ cũng đã phối hợp với các bộ, ngành và lãnh đạo các tỉnh, thành phố vùng Tây Nam Bộ xây dựng các cơ chế liên kết và triển khai các hoạt động liên kết, hợp tác phát triển vùng. Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, tiềm năng, thế mạnh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và thực tiễn phát triển sản xuất kinh doanh trong nhiều thập kỷ qua, đã xác định một số sản phẩm mũi nhọn, chủ lực, gồm: lúa gạo, thủy sản và trái cây. Từ đó, có thể liên kết để xây dựng và phát triển các cụm liên kết ngành về lúa gạo, thủy sản và trái cây vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ đã cùng với Trường đại học Cần Thơ, Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long và Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam phối hợp với 13 tỉnh, thành trong vùng xây dựng chương trình với các dự án sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm chủ lực

theo mô hình cụm liên kết ngành: (1) cụm liên kết trồng-chế biến- tiêu thụ lúa gạo; (2) cụm liên kết trồng - chế biến - tiêu thụ cây ăn trái; (3) cụm liên kết nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản (chủ yếu là tôm, cá tra).

2.1. Cụm liên kết ngành lúa gạo

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích gieo trồng lúa khoảng 4,3 triệu ha/năm (chiếm 47% diện tích gieo trồng lúa của Việt Nam), sản lượng lúa từ 23 đến 25 triệu tấn/năm (chiếm 56% sản lượng lúa của Việt Nam), lượng gạo xuất khẩu 5 đến 6 triệu tấn (chiếm 90-95% cả nước) doanh thu xuất khẩu khoảng 2-3 tỷ USD. Thành tựu to lớn của hai mục tiêu song song là đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và xuất khẩu gạo đều do sự đóng góp chủ yếu từ vùng. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ngân hàng Thế giới, vùng chuyên canh lúa trọng điểm ở đồng bằng sông Cửu Long ở 30 huyện thuộc 8 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là: An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Sóc Trăng, Tiền Giang và Long An. Đây là vùng sản xuất thuận lợi, đảm bảo 2 vụ lúa năng suất cao, được xem như vựa lúa của vùng và cũng như cả nước, vì hiện nay sản lượng lúa của các huyện này chiếm 50% tổng sản lượng lúa của đồng bằng sông Cửu Long và đóng góp 75% tổng sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước (Bùi Bá Bổng, 2017).

Trong thời gian qua, vùng đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước hình thành các cụm liên kết ngành lúa gạo (cluster) liên kết theo chuỗi giá trị, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đến ngành sản xuất lúa gạo từ đầu vào của sản xuất lúa gạo; các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trồng lúa; các doanh nghiệp thu hoạch và công nghệ sau thu hoạch (gặt đập, bảo quản, chế biến); tiêu thụ và cung cấp sản phẩm gạo và các sản phẩm chế biến từ lúa gạo... đã liên kết theo các cấp độ vùng, địa phương và cả cụm ngành lúa gạo của doanh

ngiệp (như Tập đoàn Lộc Trời, An Giang). Với các thành phần của cụm liên kết ngành lúa gạo như sau:

(1) Các doanh nghiệp cung cấp "đầu vào" của sản xuất lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long như: các công ty cung ứng giống lúa, các đơn vị nghiên cứu giống lúa (Viện Lúa đồng bằng sông Cửu Long, Trường đại học Cần Thơ, Trường đại học An Giang...); công ty làm đất (cày, bừa), dịch vụ thủy nông, cung ứng vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc thiết bị) như Tập Đoàn Lộc Trời, Công ty Đạm Cà Mau, Công ty phân bón Dầu Trầu, Công ty phân bón Bình Điền..., các công ty và chi nhánh vật tư nông nghiệp, dịch vụ các tỉnh, thành phố trong vùng.

(2) Các doanh nghiệp thu hoạch, bảo quản, xay xát và chế biến lúa gạo: đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 20 nhà máy sấy công suất từ 300-1.000 tấn, tập trung ở các vùng canh tác lúa theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, như: An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, có khoảng 10.200 lò sấy qui mô nhỏ, hộ gia đình ở các tỉnh, thành phố; có gần 5.000 nhà máy xay xát gia công, trong đó hơn 50% thuộc các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang. Có một số nhà máy dây chuyền khép kín có công suất 200.000 tấn/năm ở các tỉnh Bạc Liêu, An Giang, Đồng Tháp. Về kho chứa gạo, đồng bằng sông Cửu Long có tổng tích lượng kho gạo khoảng 6 triệu tấn, gồm hơn 2.000 kho chứa 1.000-50.000 tấn, phân bố ở Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang. Bên cạnh các nhà máy xay xát, chế biến gạo, còn có các nhà máy, cơ sở sản xuất các sản phẩm chế biến từ lúa gạo (bánh, kẹo, sợi bún...), phụ phẩm của lúa gạo (trấu, cám...) ở Cần Thơ, Tiền Giang, Bến Tre, Long An...

(3) Các doanh nghiệp tiêu thụ, như Tổng công ty Lương thực miền Nam (VinaFood), các doanh nghiệp thu mua, kinh doanh nội địa và xuất khẩu ở các địa phương.

(4) Các tổ chức hỗ trợ và dịch vụ liên quan: Hiệp hội lương thực Việt Nam (VFA), các hiệp hội ngành nghề, hợp tác xã; các tổ chức tài chính (ngân hàng, hợp tác xã tín dụng; chính quyền và các tổ chức đào tạo chuyên môn, thông tin, nghiên cứu và hỗ trợ kỹ thuật (như các trường đại học, các trường dạy nghề); những cơ quan dịch vụ về tiêu chuẩn, chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu...

Trong thực tế, hoạt động liên kết của các doanh nghiệp, đơn vị trong cụm liên kết ngành lúa gạo cũng đa dạng, bên cạnh các doanh nghiệp hoạt động theo các chức năng chuyên biệt (các doanh nghiệp cung cấp các yếu tố đầu vào sản xuất lúa; các doanh nghiệp thu hoạch, bảo quản, chế biến lúa gạo; các doanh nghiệp tiêu thụ...), thì cũng có những doanh nghiệp đảm đương nhiều chức năng trong cụm liên kết ngành lúa gạo, như Tập đoàn Lộc Trời, An Giang, hoặc có những doanh nghiệp tổ chức liên kết đầu tư và thu mua sản phẩm theo các phương thức như: đầu tư đồng bộ đầu vào (giống lúa xác nhận, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và kỹ thuật chăm sóc) và thu mua sản phẩm, liên kết với đơn vị cung cấp vật tư nông nghiệp (công ty phân bón, đại lý...) và đơn vị cung cấp giống (trung tâm khuyến nông, công ty giống...), ứng thực vật tư, giống, cuối vụ thu mua lúa trả lại chi phí ứng trước để trả cho các công ty, đơn vị cung ứng vật tư, giống; hoặc đầu tư một phần (giống lúa xác nhận hoặc phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và thu mua sản phẩm, như: Công ty cổ phần Tân Đông Tiến, Công ty lương thực Long An...

Bên cạnh cụm liên kết ngành lúa gạo từ khâu trồng trọt, bảo quản, chế biến đến dịch vụ, thương mại, còn có các công ty cơ khí chế tạo máy, thiết bị gặt đập và chế biến lúa gạo trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, như: Công ty Bùi Văn Ngộ, Công ty cơ khí Long An, Công ty Phan Tấn (An Giang), Công ty Hoàng Thắng (Cần Thơ)...

và các doanh nghiệp nước ngoài như Kubota, Buhler, Yanmar...

Cụm liên kết ngành lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước hình thành và phát triển, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của ngành lúa gạo, đóng góp cho tiêu dùng trong nước và trên 90% sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, việc bảo quản sau thu hoạch, đóng gói và xây dựng thương hiệu gạo còn nhiều hạn chế, đặc biệt là khâu xay xát và lưu trữ gạo trước khi đưa ra thị trường. Các công ty thu mua lúa từ nhiều giống khác nhau và chất lượng không đồng nhất cũng dẫn đến không đảm bảo theo tiêu chuẩn và giá bán thấp. Việc đầu tư máy móc hiện đại, chuyển giao công nghệ chỉ được thực hiện ở các nhà máy của các công ty lớn, các cơ sở xay xát nhỏ lẻ vẫn chưa có điều kiện tiếp cận công nghệ hiện đại, dẫn đến gạo xay xát không đảm bảo chất lượng. Hiện tượng "được mùa mất giá" liên tục diễn ra, khâu trung gian kết nối giữa người sản xuất lúa gạo và thị trường tiêu thụ (cả nội địa lẫn xuất khẩu) đều còn nhiều tồn tại, gây bất lợi và thiệt hại trong việc kinh doanh lúa gạo, nhất là người nông dân.

2.2. Cụm liên kết ngành cây ăn quả

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có truyền thống trồng cây ăn trái, với diện tích gần 400 nghìn ha (cả nước 820 nghìn ha), chiếm 38% diện tích, cung cấp khoảng 70% sản lượng trái cây cả nước (khoảng 3,5 - 4 triệu tấn). Hiện nay tại đây đã hình thành các vùng chuyên canh cây ăn trái ở các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ; các hợp tác xã, nhà vườn đã ứng dụng ngày càng nhiều VietGAP, GlobalGAP. Nhiều giống cây ăn trái chất lượng cao phát triển nhanh, một số giống cây trồng có thương hiệu và được thị trường ưa chuộng như: xoài cát Hòa Lộc, vú sữa Lò Rèn Vĩnh Kim (Tiền Giang), sầu riêng, bưởi

da xanh, chôm chôm (Bến Tre), bưởi năm roi, cam sành (tỉnh Vĩnh Long), Thanh Long (Long An), Dừa (Bến Tre)... Viện Cây ăn quả Miền Nam cùng các trung tâm giống, các trường đại học đã có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu, chuyển giao giống, kỹ thuật canh tác, phòng trị bệnh cây trồng; đã hình thành bước đầu mối liên kết giữa nhà vườn - nhà khoa học - thương lái (chủ vựa, chành), doanh nghiệp, Hiệp hội trái cây... trong các khâu nghiên cứu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Hiện nay đã hình thành bước đầu các cụm liên kết ngành trong phát triển vùng nguyên liệu, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm trái cây trong nước và xuất khẩu, như: cụm các doanh nghiệp thu mua và chế biến cây ăn quả các tỉnh: Tiền Giang, Vĩnh Long và Đồng Tháp (gồm các doanh nghiệp: Công ty TNHH Quốc Thảo, tỉnh Vĩnh Long; Công ty cổ phần sản xuất trái cây Hùng Phát thuộc tập đoàn Andros (Pháp), Công ty TNHH sản xuất chế biến nông sản Cát Tường, Công ty TNHH Long Uyên, Công ty TNHH Nông sản thực phẩm Hòa Lộc RR, Cơ sở sơ chế - chế biến sản xuất trái cây Ba Tương, Tiền Giang; Công ty TNHH chế biến nông sản Việt Đức, Công ty TNHH Kim Nhung, Công ty TNHH Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp...); cụm liên kết sản xuất và tiêu thụ xoài ở Đồng Tháp; cụm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ dừa ở Bến Tre...

Cụm ngành công nghiệp dừa Bến Tre đã liên kết theo chuỗi giá trị, bao gồm từ khâu nguyên liệu dừa trái (có 7 doanh nghiệp), cơm dừa nạo sấy (có 8 doanh nghiệp), chế biến đầu dừa (2 doanh nghiệp), kẹo dừa (có 8 doanh nghiệp), thạch dừa (8 doanh nghiệp), chỉ xơ dừa (7 doanh nghiệp), than gáo dừa (8 doanh nghiệp), thủ công mỹ nghệ (7 doanh nghiệp), chỉ xơ dừa-mụn dừa (8 doanh nghiệp), sản phẩm khác từ dừa (7 doanh nghiệp).

Cụm liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ xoài, gồm các doanh nghiệp, như: Công

ty TNHH Quốc Thảo (huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long), Công ty cổ phần sản xuất trái cây Hùng Phát thuộc tập đoàn Andros, Pháp (TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), Công ty TNHH sản xuất chế biến nông sản Cát Tường (TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), Công ty TNHH Long Uyên (huyện Châu Thành, Tiền Giang), Công ty TNHH chế biến nông sản Việt Đức (huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp), Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Hòa Lộc RR (huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), Công ty TNHH Kim Nhung (TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), Công ty TNHH trái cây Cao Lãnh (huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), Cơ sở sơ chế - chế biến sản xuất trái cây Ba Tương (huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang)... với các sản phẩm là xoài tươi, xoài sấy dẻo, xoài chế biến đóng lon... tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu...

Cụm ngành cây ăn quả đã từng bước hình thành và liên kết theo chuỗi giá trị, có sự liên kết giữa các đơn vị cung cấp giống, vật tư và hướng dẫn kỹ thuật canh tác (Viện Cây ăn quả miền Nam, Trường đại học Cần Thơ, các công ty cung ứng giống và vật tư,...); các công ty, hợp tác xã và hộ nông dân; các doanh nghiệp bảo quản, chế biến; các đơn vị tư vấn về sở hữu trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm), tư vấn về xây dựng các tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP, vệ sinh an toàn thực phẩm... Từ đó, đã liên kết, nâng cao giá trị sản phẩm cây ăn trái, tạo những thương hiệu trái cây phục vụ cho thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu trong những năm qua, đóng góp trên 70% kim ngạch xuất khẩu trái cây trong cả nước. Tuy nhiên, nhìn chung việc tổ chức mạng lưới liên kết giữa vùng trồng với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị còn nhiều hạn chế, nhất là công nghệ sau thu hoạch, chưa có nhiều sản phẩm chế biến từ trái cây có thương

hiệu trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

2.3. Cụm liên kết ngành thủy sản

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước với diện tích chiếm 70%, sản lượng chiếm 58%, tôm chiếm 80% và đóng góp trên 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Diện tích nuôi trồng thủy sản của vùng tăng từ 236 nghìn ha năm 2001 lên trên 700 nghìn ha hiện nay. Có trên 280 cơ sở chế biến thủy sản, chiếm 47% cơ sở của cả nước, trong đó 270 cơ sở đủ điều kiện xuất khẩu hàng thủy sản vào EU, với 235 nhà máy có tổng công suất chế biến trên 1,2 triệu tấn/năm, chiếm gần 86% công suất chế biến thủy sản đông lạnh cả nước. Sản phẩm thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long đã được tiêu thụ ở 165 thị trường các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, đặc biệt là những thị trường trọng điểm, giàu tiềm năng như: EU, Đông Âu, Mỹ, Canada, Braxin, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... với doanh số xuất khẩu hàng năm xấp xỉ 5 tỷ USD, chiếm 60% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Hiện nay đã hình thành các cụm nhà máy chế biến, như: cụm chế biến thủy hải sản ở Kiên Giang, cụm chế biến tôm ở Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng; cụm chế biến các sản phẩm cá tra ở Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long... Song song với xuất khẩu, thị trường tiêu thụ thủy sản nội địa cũng được chú trọng phát triển. Nhiều mặt hàng thủy sản nội địa đã được chế biến hợp với thị hiếu người tiêu dùng trong nước với chất lượng ngày càng cao, mẫu mã, bao bì không ngừng cải tiến, được đưa đi tiêu thụ tại những siêu thị ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, một số thành phố lớn và các chợ trên khắp cả nước. Các sản phẩm chính chế biến như: tôm lột vỏ đông lạnh, tôm sấy khô; cá tra và các loại cá phi lê, cắt khúc, viên, cá khô, chà bông... Bên cạnh các sản phẩm chế biến chính của các loại thủy sản, cũng đã phát triển các phụ phẩm (mỡ cá, dầu cá, vỏ

tôm...) và nhiều sản phẩm chế biến khác từ thủy sản để nâng cao giá trị thủy sản. Đã hình thành các cụm liên kết nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu ở các tỉnh, thành phố như: Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, nhất là các cụm liên kết ngành thủy sản theo chuỗi giá trị của các doanh nghiệp lớn, như: Tập đoàn Việt-Úc, Tập đoàn Minh Phú... với mạng lưới các công ty sản xuất thức ăn, con giống, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm (nội địa và xuất khẩu) ở khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long (Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Hậu Giang...).

Tuy nhiên, nhìn chung cụm ngành công nghiệp thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long còn nhiều hạn chế, bất cập. Theo Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, mặt hàng cá tra hiện chủ yếu là chế biến phile xuất khẩu, chiếm 90 - 98%; các mặt hàng tôm và thủy hải sản khác, tỷ lệ sản xuất chế biến mặt hàng giá trị gia tăng chưa cao, chỉ khoảng 30 - 50% so với tổng sản lượng xuất khẩu thủy sản. Điều đó cho thấy chế biến thủy sản của đồng bằng sông Cửu Long đang ở trình độ thấp, phần lớn là chế biến thô, giá trị kinh tế không cao. Bên cạnh đó, việc xây dựng thương hiệu đối với các sản phẩm chủ lực như: tôm sú sinh thái, cá tra, tôm, nghêu, sò huyết, cua biển... gắn với chỉ dẫn địa lý, xuất xứ nguồn gốc chưa được thực hiện một cách có hiệu quả. Các hoạt động triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư còn thiếu chuyên nghiệp, thiếu nguồn đầu tư và nguồn nhân lực có kinh nghiệm, tay nghề cao. Các nhà máy chế biến thủy sản trong vùng hiện nay chỉ hoạt động khoảng 60 - 70% công suất thiết kế do nguồn nguyên liệu phụ thuộc mùa vụ, quy hoạch nhà máy chế biến chưa đồng bộ với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu. Đây là những điểm hạn chế, yếu kém do chưa thực hiện liên kết giữa các tỉnh, các cụm vệ tinh, các chuỗi sản xuất sản phẩm thủy sản chủ lực trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Việc tăng cường liên kết vùng nói chung và liên kết vùng về kinh tế nói riêng là xu hướng và nhu cầu tất yếu của vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó việc hình thành và phát triển các cụm ngành công nghiệp (hay cụm liên kết ngành) trong sản xuất-kinh doanh những sản phẩm chủ lực của vùng là một yêu cầu cấp thiết được đặt ra cho các địa phương, doanh nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong những năm qua đồng bằng sông Cửu Long đã từng bước phát triển các cụm liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản, thúc đẩy hình thành và phát triển các mối liên kết giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân trong nuôi trồng, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông thủy sản; liên kết kết "4 nhà" (Nhà nước-nhà doanh nghiệp-nhà khoa học-nhà nông) đã được chú ý tăng cường; sản phẩm ngày càng được đa dạng hơn, nâng suất, chất lượng và mẫu mã ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; giá trị sản phẩm hàng hóa ngày càng được gia tăng. Tuy nhiên, liên kết vùng và phát triển các cụm ngành công nghiệp còn nhiều hạn chế, đó là:

- Công tác quy hoạch và đầu tư phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến ở các địa phương còn chưa quan tâm đến liên kết vùng.

- Các địa phương trong vùng chưa quan tâm đúng mức đến liên kết phát triển cụm ngành công nghiệp chủ lực thuộc thế mạnh của vùng (đặc biệt là thủy hải sản, cây trái và lúa gạo) để xây dựng các cụm ngành theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của các ngành này.

- Công nghệ bảo quản và chế biến các sản phẩm chủ lực còn nhiều hạn chế, thất thoát sau thu hoạch còn khá lớn, công nghệ đóng gói, chế biến còn lạc hậu so với nhiều đối tác cạnh tranh trong khu vực.

- Sự liên kết giữa những người sản xuất với nhau, giữa người sản xuất và nhà phân phối giữa các địa phương có vùng chuyên canh cây ăn quả còn rất lỏng lẻo.

- Liên liên kết "4 nhà" (nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, Nhà nước) để phát triển các cụm ngành, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm còn hạn chế.

- Còn thiếu những doanh nghiệp mạnh, tổ chức hệ thống sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo hướng thúc đẩy lan tỏa để hình thành các cụm liên kết ngành.

Những mặt hạn chế và yếu kém trong liên kết vùng và phát triển các cụm liên kết ngành của vùng đồng bằng sông Cửu Long nêu trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Chính phủ ban hành chủ trương, chính sách liên kết vùng đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020) chỉ mới 3 năm và đang còn thí điểm, chưa triển khai được nhiều trong thực tế, nhất là công tác quy hoạch tổng thể phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long chưa dựa trên quan điểm liên kết vùng, các quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các địa phương cần phải dựa vào và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển vùng.

Trong công tác quy hoạch và thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm chủ lực của các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long còn chưa chú ý đến liên kết vùng và phát triển các cụm liên kết ngành theo chuỗi giá trị sản phẩm, còn mang tính tự phát, "mạnh ai nấy làm".

Chưa hình thành được cơ quan điều phối vùng và quy chế thực hiện có đủ thẩm quyền và cơ chế để điều phối các hoạt động

liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long một cách hiệu quả.

3.2. Khuyến nghị

Một số giải pháp để thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành và liên kết vùng:

Việc xây dựng các cụm liên kết ngành cần được thực hiện trên cơ sở liên kết vùng từ khâu quy hoạch, thực hiện quy hoạch, sử dụng các nguồn lực đầu tư, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ từ khâu giống, vật tư phân bón, thức ăn gia súc, thuốc thú y, tổ chức sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo, thủy sản, trái cây, với sự tham gia phối hợp của các bộ, ngành, cơ quan trung ương có liên quan, các địa phương trong vùng, các hiệp hội và doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học... để thực hiện các chủ trương và chính sách về liên kết vùng, liên kết "4 nhà" phát triển các cụm liên kết ngành các sản phẩm chủ lực của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ nhất, cần quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực về nông thủy sản phù hợp với điều kiện đất đai, sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với qui hoạch và đầu tư phát triển công nghiệp chế biến theo lợi thế so sánh của các địa phương trong liên kết vùng. Phát triển các cụm liên kết ngành theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long để nâng cao giá trị sản phẩm và năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế chủ lực của vùng.

Thứ hai, xây dựng các chính sách khuyến khích và tập trung thu hút đầu tư công nghệ hiện đại để chế biến các mặt hàng chủ lực, đa dạng hóa sản phẩm và thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, quy chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm chủ lực đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ ba, vận động nông dân để phát triển các hợp tác xã kiểu mới và gắn với doanh nghiệp trong đầu tư ứng dụng khoa học

công nghệ vào nuôi trồng, chế biến theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, bảo đảm truy xuất nguồn gốc, chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị của sản phẩm hàng hóa.

Thứ tư, tăng cường liên kết "4 nhà" trong phát triển các cụm ngành chủ lực vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thứ năm, Chính phủ, các bộ, ngành và lãnh đạo các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long cần tiếp tục nghiên cứu hình thành tổ chức quản trị - điều hành cấp vùng phù hợp, đủ sức đảm đương và điều phối liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có thể nghiên cứu thành lập Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long (trong đó, Chủ tịch Hội đồng là một Phó Thủ tướng Chính phủ, 2 Phó Chủ tịch Hội đồng, gồm: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư và 1 Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố trong vùng đồng bằng sông Cửu Long được bầu thông qua bỏ phiếu) theo như đề xuất của Bộ Kế hoạch và đầu tư tại Diễn đàn đồng bằng sông Cửu Long năm 2019, ngày 18-6-2019 tại TP. Hồ Chí Minh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Bá Bồng (2017), *Một số ý kiến về tái cơ cấu ngành lúa gạo đồng bằng sông Cửu Long để phát triển bền vững*, Tham luận tại Hội nghị Giải pháp phát triển bền vững ngành hàng lúa gạo vùng đồng bằng sông Cửu Long, An Giang 15-3-2017.
2. Dirk Dohse (2007), *Cluster-Based Technology Policy- The German Experience*, Industry and Innovation, Vol. 14, No. 1, 69-94, February 2007.
3. Trần Hữu Hiệp (2013), *Tăng cường liên kết vùng các doanh nghiệp- Góc nhìn từ vùng trọng điểm nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long*, Kỷ yếu Hội thảo liên kết vùng vùng đồng bằng sông Cửu Long.
4. Kuchiki A. (2007), *The Flowchart Model of Cluster Policy: The Automobile Industry Cluster in China*, Discussion Paper No.100, Institute of Developing Economies 2007.

4. Phạm Ngọc Minh và cộng sự (2015), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ, Bộ Khoa học và công nghệ: "Nghiên cứu đề xuất cơ chế và giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ Vùng đồng bằng sông Cửu Long" (2014-2015).

5. OECD (2015), *Innovative Clusters - Drivers of National Innovation Systems*, KOBE Biomedical Cluster (2015).

6 Michael E. Porter (1998), *Clusters and Competition*, Harvard Business School Press.

7 Michael E. Porter (1990), *The competitive Advantage of the Nations*, The Free Press, New York.

8. Nguyễn Ngọc Sơn (2015), *Phát triển cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa và cạnh hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, 5-2015.

9. Nguyễn Đình Tài (2017), Hình thành và phát triển cụm liên kết ngành ở Việt Nam: Một sự lựa chọn chính sách, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 1 tháng 2-2017.

10. Bùi Quang Tuấn (2018), Cơ chế, chính sách liên kết nội vùng và liên vùng đối với vùng Tây Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững, *Báo cáo chuyên đề, đề tài cấp quốc gia thuộc Chương trình Tây Nam Bộ*

11. Phan Văn Tấn (2018), Hiện trạng và định hướng phát triển cơ giới hóa nông nghiệp cho Đồng bằng sông Cửu Long, *Hội thảo khoa học, TP. Hồ Chí Minh*.

12 Tài liệu báo cáo của Bộ Kế hoạch và đầu tư tại Diễn đàn đồng bằng sông Cửu Long năm 2019, ngày 18-6-2019 tại TP. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 16-05-2019
Ngày nhận bản sửa: 04-06-2019
Ngày duyệt đăng: 20-06-2019